

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống theo triều trong 3-4 ngày tới, sau đó lên chậm; mực nước thấp nhất ngày lên theo triều trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống trở lại.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong khu vực lên chậm trong 3-4 ngày tới, sau đó xuống chậm.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 22/6 đến 26/6/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng  | Mực nước thực đo (m) |                     |               | Mực nước dự báo (m) |               |              |               |               |
|-----|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|---------------|---------------------|---------------|--------------|---------------|---------------|
|     |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |            | 21/6                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN   | 22/6                | 23/6          | 24/6         | 25/6          | 26/6          |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 1.48<br>0.15         | 0.08<br>-0.18       | 0.13<br>-0.44 | 1.42<br>0.16        | 1.38<br>0.26  | 1.35<br>0.38 | 1.33<br>0.33  | 1.36<br>0.26  |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.46<br>-0.12        | 0.18<br>-0.20       | 0.34<br>-0.10 | 1.40<br>-0.11       | 1.36<br>-0.01 | 1.33<br>0.11 | 1.31<br>0.06  | 1.34<br>-0.01 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 1.65<br>0.86         | 0.14<br>0.02        | 0.29<br>0.07  | 1.59<br>0.87        | 1.55<br>0.97  | 1.52<br>1.09 | 1.50<br>1.04  | 1.51<br>0.97  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.59<br>0.07         | 0.13<br>-0.15       | 0.34<br>-0.27 | 1.53<br>0.08        | 1.49<br>0.18  | 1.46<br>0.30 | 1.44<br>0.25  | 1.47<br>0.18  |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.52<br>-0.20        | 0.21<br>-0.16       | 0.37<br>0.10  | 1.46<br>-0.18       | 1.42<br>-0.08 | 1.39<br>0.04 | 1.37<br>-0.01 | 1.40<br>-0.08 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.50<br>-0.08        | 0.12<br>-0.23       | 0.32<br>-0.18 | 1.44<br>-0.07       | 1.40<br>0.03  | 1.37<br>0.15 | 1.35<br>0.10  | 1.38<br>0.03  |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 0.54<br>0.26         | 0.39<br>0.19        | 0.07<br>-0.01 | 0.55<br>0.27        | 0.57<br>0.29  | 0.60<br>0.32 | 0.65<br>0.35  | 0.63<br>0.30  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.39<br>0.32         | 0.34<br>0.30        | 0.09<br>0.07  | 0.40<br>0.33        | 0.42<br>0.35  | 0.45<br>0.38 | 0.50<br>0.42  | 0.48<br>0.38  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.52<br>0.26         | 0.23<br>0.20        | 0.05<br>0.01  | 0.53<br>0.27        | 0.55<br>0.29  | 0.58<br>0.32 | 0.63<br>0.35  | 0.61<br>0.31  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.69<br>0.48         | 0.28<br>0.22        | 0.35<br>0.24  | 0.62<br>0.41        | 0.64<br>0.43  | 0.67<br>0.46 | 0.72<br>0.49  | 0.70<br>0.45  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.41<br>0.30         | 0.33<br>0.31        | 0.18<br>0.14  | 0.40<br>0.29        | 0.42<br>0.31  | 0.45<br>0.34 | 0.50<br>0.37  | 0.48<br>0.33  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.79<br>0.61         | 0.28<br>0.24        | 0.27<br>0.28  | 0.70<br>0.52        | 0.72<br>0.54  | 0.75<br>0.57 | 0.80<br>0.60  | 0.78<br>0.56  |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 1.00<br>0.54         | 0.19<br>0.15        | 0.24<br>0.06  | 0.95<br>0.49        | 0.97<br>0.51  | 1.00<br>0.54 | 1.05<br>0.57  | 1.03<br>0.53  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.79<br>0.52         | 0.27<br>0.21        | 0.17<br>0.09  | 0.74<br>0.47        | 0.76<br>0.49  | 0.79<br>0.52 | 0.84<br>0.55  | 0.82<br>0.51  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 22/6/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan